

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 11 / 7 /2020 của Ủy ban

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện																
					Quyết định đầu tư							Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạ	
												Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Huy động dân và vốn khác										
NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	TỔNG CỘNG					68,287	59,801	-	2,181	-	-	6,305	63,220	55,780	5,500	5,500	4,925	4,925	14,250	14,250	31,105
Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới						40,528	36,044	-	1,395	-	-	3,089	39,269	34,894	5,500	5,500	4,925	4,925	8,910	8,910	15,559
1	Đường giao thông nội bộ thôn 1 xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn 1 xã Ia Toi	2017-	QĐ số 74A/QĐ-UBND xã Toi ngày 07/09/2017	1,554	1,413					141	1,554	1,413	1,413	1,413	-		-		-
2	Đường giao thông nông thôn nội bộ thôn 1 xã Ia Dom - NT2	UBND xã Ia Dom	Thôn 1 xã Ia Dom	2017-	QĐ số 88/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 07/09/2017	529	522					7	529	522	522	522	-		-		-
3	Đường GTNT thôn 2 xã Ia Dom (Điểm dân cư mới)	UBND xã Ia Dom	Thôn 2 xã Ia Dom	2017-	QĐ số 87/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 07/09/2017	489	324					165	489	324	324	324	-		-		-
4	Đường GTNT thôn 4 xã Ia Đal (Nay là thôn Ia Đal) và Đường giao thông nông thôn thôn 4 xã Ia Đal (Đường đi qua UBND xã cũ)	UBND xã Ia Đal	Thôn 4 xã Ia Đal	2017-	QĐ số 49b/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 07/09/2017	1,655	1,651					4	1,655	1,651	1,651	1,651	-		-		-
5	Điểm trường mầm non và hạng mục phụ trợ Thôn 9, xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn 9, xã Ia Toi	2017-	QĐ số 74B/QĐ-UBND xã Ia Toi ngày 07/09/2017	919	877					42	919	877	877	877	-		-		-
6	Điểm trường mầm non Thôn 3, xã Ia Đal.	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2017-	QĐ số 49a/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 07/09/2017	751	713					38	751	713	713	713	-		-		-
7	Đường giao thông nông thôn NT2-2, thôn 2, Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, Ia Dom	2018-	QĐ số 35/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND xã Ia Dom	501	455					46	501	455	-		455	455	-		-

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch năm 2020
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác							
8	Đường giao thông nông thôn NT4-1, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Xã Ia Đal	2018-	QĐ số 03a/QĐ-UBND ngày 23/1/2018 của UBND xã Ia	2,233	2,233						2,233	2,233	-		2,233	2,233	-
9	Đường giao thông số 2, xã Ia Tời	UBND xã Ia Tời	Xã Ia Tời	2018-	QĐ số 22/QĐ-UBND xã IaTời ngày 02/8/2018	3,913	3,761					152	3,913	3,761	-		2,237	2,237	1,524
10	Lưới điện vào điểm dân cư Làng cá thôn 7, xã Ia Tời, huyện Ia H'Drai	UBND xã Ia Tời	Thôn 7, xã Ia Tời	2019-2020	Số 07/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND xã Ia Tời	2,528	1,972		378			178	2,528	1,972				1,000	972
11	Đường GTNT và hạng mục khác Khu vực làng cá, thôn 7 xã Ia Tời	UBND xã Ia Tời	Thôn 7, xã Ia Tời	2019	Số 23/QĐ-UBND ngày 8/5/2019 của UBND xã Ia Tời	1,119	1,017					102	1,119	1,017				917	100
12	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ3), Thôn Ia Đal, xã Ia Đal;	UBND xã Ia Đal	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal	2019	Số 35/QĐ-UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	792	720					72	792	720				720	-
13	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ4), Thôn Ia Đal, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal	2019	Số 34/QĐ-UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	898	816					82	898	816				816	-
14	Đường giao thông Thôn 2 (Nông trường 3 cao su Chư Mon Ray)	UBND xã Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2019-2020	Số 44/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND xã Ia Đal	1,492	1,356					136	1,492	1,356				500	856
15	Điểm trường mầm non thôn 1, 2, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 1, xã Ia Đal	2019	Số 33/QĐ-UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	575	523					52	575	523				523	-
16	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư số 20, thôn 7, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal	2019-2020	Số 45/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND xã Ia Đal	1,997	1,815					182	1,997	1,815				550	1,265

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch năm 2020
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									
17	Đường GTNT TT xã Ia Dom (D1,D2,D3), thôn 1, Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2019	QĐ số 34/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND xã Ia Dom	715	650					65	715	650					650	650	-
18	Điểm trường mầm non thôn 8 xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn 8, Xã Ia Toi	2019-2020	Số 08/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND xã Ia Toi	1,188	63		1,017			108	1,188	63					50	50	13
19	Điểm trường tiểu học thôn 9 xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn 9, Xã Ia Toi	2019-2020		1,251	1,137		-			114	1,251	1,137					-		1,137
20	Đường GTNT số 3, thôn 1, xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn 1, xã Ia Toi	2020		910	827					83	911	827					-		827
21	Đường GTNT NT6-1 thôn 6, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 6, xã Ia Đal	2020		1,832	1,665					167	1,832	1,665					-		1,665
22	Đường GTNT Chư Hem-1 thôn Chư Hem	UBND xã Ia Đal	Thôn Chư Hem, xã Ia Đal	2020		738	671					67	738	671					-		671
23	Đầu tư cứng hóa mặt Đường vào khu sản xuất số 1, thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2019	Quyết định 58a/QĐ-UBND ngày 18/06/2019 của UBND xã Ia Dom	4,423	4,021					402	3,163	2,871					1,660	1,660	1,211
24	Đầu tư cứng hóa mặt Đường vào khu sản xuất số 2, thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2019-2020		1,586	1,442					144	1,586	1,442					-		1,442
25	Đầu tư cứng hóa mặt Đường vào khu sản xuất thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2020		4,818	4,380					438	4,818	4,380					-		4,380
26	Đường giao thông nông thôn điểm dân cư 64 thôn Ia Đor, xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	Thôn Ia Đor, xã Ia Toi	2020		1,122	1,020					102	1,122	1,020					-		1,020
Vốn dự phòng nông thôn mới					-	27,759	23,757	-	786	-	-	3,216	23,951	20,886	-	-	-	-	5,340	5,340	15,546
1	Đầu tư cứng hóa mặt Đường vào khu sản xuất số 1, thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2019	Quyết định 58a/QĐ-UBND ngày 18/06/2019 của UBND xã Ia Dom	4,423	4,021					402	1,260	1,150					1,150	1,150	-

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư							Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch năm 2020 đã bố trí
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác								
2	Cấp nước sinh hoạt thôn Ia Mung và hạng mục phụ trợ	Ban QLĐT& XD huyện	Thôn Ia Mung, xã Ia Dom	2019	433/QĐ-UBND huyện ngày 14/10/2019	836	760					76	836	760				760	760	-
3	Công trình cấp nước và hạng mục phụ trợ thôn 1, xã Ia Đal	Ban QLĐT& XD huyện	Thôn 1, xã Ia Đal	2019	435/QĐ-UBND huyện ngày 14/10/2019	836	760					76	836	760				760	760	-
4	Công trình cấp nước và hạng mục phụ trợ thôn 1 + thôn 2, xã Ia Đal	Ban QLĐT& XD huyện	Thôn 1+thôn 2, xã Ia Đal	2019	423/QĐ-UBND huyện ngày 10/10/2019	836	760					76	836	760				760	760	-
5	Lưới điện từ trung tâm điểm dân cư 64 đi thôn Ia Đor (Đường dây trung thế 22Kv và trạm biến áp), xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn Ia Đor, xã Ia Tơi	2019	QĐ số 76/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND xã Ia Tơi	2,966	1,910		786			270	2,966	1,910				1,910	1,910	-
6	Lưới điện trung tâm điểm dân cư thôn 9, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2020-		1,210	1,100				-	110	1,100	1,100						1,100
7	Lưới điện vào điểm dân cư 41 mở rộng (Sau Ủy ban nhân dân xã Ia Tơi) thôn1, xã Ia Tơi.	UBND xã Ia Tơi	Thôn 1, xã Ia Tơi	2020-		1,482	1,347				-	135	1,347	1,347						1,347
8	Nhà văn hóa cộng đồng thôn 7	UBND xã Ia Tơi	Thôn 7, xã Ia Tơi	2020-		300	100					200	100	100						100
9	Nhà văn hóa cộng đồng thôn 8	UBND xã Ia Tơi	Thôn 8, xã Ia Tơi	2020-		300	100					200	100	100						100
10	Đường GTNT thôn 2, xã Ia Dom (Điểm dân cư phía sau Nông trường Suối Cát)	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2020-		567	515				-	52	567	515						515

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch năm 2020 đã bố trí
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									
11	Lưới điện cấp điện điểm dân cư	UBND xã Ia Dom	Thôn 4, xã Ia Dom	2020-		568	516				-	52	568	516							516
12	Nhà văn hóa cộng đồng thôn 1 xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2020-		300	100					200	300	100							100
13	Nhà văn hóa cộng đồng thôn 2 xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2020-		300	100					200	300	100							100
14	Xây dựng điểm trường tiểu học tại NT1-Duy Tân (trường TH-THCS Nguyễn Du), xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2020-		1,320	1,200				-	120	1,320	1,200							1,200
15	Xây dựng lớp Mầm Non (Điểm trường tại NT1-Duy Tân, trường Mầm non Tuổi Ngọc) xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 3, xã Ia Dom	2020-		656	596				-	60	656	596							596
16	Đường GTNT đội 8, thôn 8, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 8, xã Ia Đal	2020-		1,760	1,600				-	160	1,760	1,600							1,600
17	Đường GTNT đội 5, thôn 6, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 6, xã Ia Đal	2020-		1,056	960				-	96	1,056	960							960
18	Đường GTNT thôn 4 đi thôn Chư Hem, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 4, thôn Chư Hem, xã Ia Đal	2020-		2,376	2,160				-	216	2,376	2,160							2,160
19	Đường GTNT đội 7, thôn 8 xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 8, xã Ia Đal	2020-		1,760	1,600					160	1,760	1,600							1,600

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế ho
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
						Trong đó															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã										Huy động dân và vốn khác
20	Đường GTNT đội 3, thôn 5 xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 5, xã Ia Đal	2020-		1,760	1,600					160	1,760	1,600						1,600	
21	Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn (TC Thông tin và truyền thông)	UBND xã Ia Đal	Toàn xã Ia Đal	2020-		550	500					50	550	500						500	
22	Đường điện thôn 3, xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2020-		1,520	1,382					138	1,520	1,382						1,382	
23	San ủi Sân vận động xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal	2020-		77	70					7	77	70						70	

A XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Triệu đồng

		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 điều chỉnh																	Ghi chú
ch vốn 20 đã bố trí		Quyết định đầu tư							Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016- 2020		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		
Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
NSTW			NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									NSTW	NSTW	
31,105		68,287	59,801	-	2,181	-	-	6,305	63,220	55,780	5,500	5,500	4,925	4,925	14,250	14,250	31,105	31,105	
15,559		40,528	36,044	-	1,395	-	-	3,089	39,269	34,894	5,500	5,500	4,925	4,925	8,910	8,910	15,559	15,559	
	QĐ số 74A/QĐ- UBND xã Tời ngày 07/09/2017	1,554	1,413					141	1,554	1,413	1,413	1,413	-		-		-		
	QĐ số 88/QĐ UBND xã Ia Dom ngày 07/09/2017	529	522					7	529	522	522	522	-		-		-		
	QĐ số 87/QĐ UBND xã Ia Dom ngày 07/09/2017	489	324					165	489	324	324	324	-		-		-		
	QĐ số 49b/QĐ- UBND xã Ia Đal ngày 07/09/2017	1,655	1,651					4	1,655	1,651	1,651	1,651	-		-		-		
	QĐ số 74B/QĐ- UBND xã Ia Tời ngày 07/09/2017	919	877					42	919	877	877	877	-		-		-		
	QĐ số 49a/QĐ- UBND xã Ia Đal ngày 07/09/2017	751	713					38	751	713	713	713	-		-		-		
	QĐ số 35/QĐ UBND ngày 16/5/2018 của UBND xã Ia Dom	501	455					46	501	455	-		455	455	-		-		

ch vốn 20 đã bố trí	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016- 2020		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ghi chú
Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									NSTW		
	QĐ số 03a/QĐ- UBND ngày 23/1/2018 của UBND xã Ia	2,233	2,233					2,233	2,233	-		2,233	2,233	-		-			
-	QĐ số 22/QĐ UBND xã IaToi ngày 02/8/2018	3,913	3,761					152	3,913	3,761	-		2,237	2,237	1,524	1,524	-	-	
972	Số 07/QĐ- UBND ngày 28/02/2019 của UBND xã Ia Toi	2,528	1,972		378			178	2,528	1,972					1,000	1,000	972	972	
100	Số 23/QĐ- UBND ngày 8/5/2019 của UBND xã Ia Toi	1,119	1,017					102	1,119	1,017					917	917	100	100	
-	Số 35/QĐ- UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	792	720					72	792	720					720	720	-	-	
-	Số 34/QĐ- UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	898	816					82	898	816					816	816	-	-	
856	Số 44/QĐ- UBND ngày 25/06/2019 của UBND xã Ia Đal	1,492	1,356					136	1,492	1,356					500	500	856	856	
-	Số 33/QĐ- UBND ngày 03/06/2019 của UBND xã Ia Đal	575	523					52	575	523					523	523	-	-	
1,265	Số 45/QĐ- UBND ngày 25/06/2019 của UBND xã Ia Đal	1,997	1,815					182	1,997	1,815					550	550	1,265	1,265	

ch vốn 20 đã bố trí	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016- 2020		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ghi chú
Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									NSTW		
-	QĐ số 34/QĐ- UBND ngày 22/4/2019 của UBND xã Ia Dom	715	650					65	715	650					650	650	-	-	
13	Số 08/QĐ- UBND ngày 08/3/2019 của UBND xã Ia Tời	1,188	63		1,017			108	1,188	63					50	50	13	13	
1,137		1,251	1,137		-			114	1,251	1,137					-		1,137	1,137	
827		910	827					83	911	827					-		827	827	
1,665		1,832	1,665					167	1,832	1,665					-		1,665	1,665	
671		738	671					67	738	671					-		671	671	
1,211	Quyết định 58a/QĐ- UBND ngày 18/06/2019 của UBND xã Ia Dom	4,423	4,021					402	3,163	2,871					1,660	1,660	1,211	1,211	
1,442		1,586	1,442					144	1,586	1,442					-		1,442	1,442	
4,380		4,818	4,380					438	4,818	4,380					-		4,380	4,380	
1,020		1,122	1,020					102	1,122	1,020					-		1,020	1,020	
15,546	-	27,759	23,757	-	786	-	-	3,216	23,951	20,886	-	-	-	-	5,340	5,340	15,546	15,546	
-	Quyết định 58a/QĐ- UBND ngày 18/06/2019 của UBND xã Ia Dom	4,423	4,021					402	1,260	1,150					1,150	1,150	-	-	

ch vốn 20 đã bố trí	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016- 2020		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ghi chú
Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác									NSTW		
-	433/QĐ- UBND huyện ngày 14/10/2019	836	760					76	836	760					760	760	-	-	
-	435/QĐ- UBND huyện ngày 14/10/2019	836	760					76	836	760					760	760	-	-	
-	423/QĐ- UBND huyện ngày 10/10/2019	836	760					76	836	760					760	760	-	-	
-	QĐ số 76/QĐ UBND ngày 30/9/2019 của UBND xã Ia Tơi	2,966	1,910			786		270	2,966	1,910					1,910	1,910	-	-	
1,100		1,210	1,100					- 110	1,100	1,100							1,100	1,100	Điều chỉnh Quy mô
1,347		1,482	1,347					- 135	1,347	1,347							1,347	1,347	
100		300	100					200	100	100							100	100	
100		300	100					200	100	100							100	100	
515		567	515					- 52	567	515							515	515	Điều chỉnh tăng quy mô

ch vốn 20 đã bố trí	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016- 2020		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ghi chú
Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó																
			NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Huy động dân và vốn khác											
516		568	516				-	52	568	516							516	516	
100		300	100					200	300	100							100	100	
100		300	100					200	300	100							100	100	
1,200		1,320	1,200				-	120	1,320	1,200							1,200	1,200	
596		656	596				-	60	656	596							596	596	
1,600		1,760	1,600				-	160	1,760	1,600							1,600	1,600	
960		1,056	960				-	96	1,056	960							960	960	Đổi địa điểm đầu tư từ đội 4 sang đội 5
2,160		2,376	2,160				-	216	2,376	2,160							2,160	2,160	
1,600		1,760	1,600					160	1,760	1,600							1,600	1,600	

Kế hoạch vốn 20 đã bố trí	Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ghi chú
	Trong đó	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó															
				NSTW	TPCP	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã									Huy động dân và vốn khác		
NSTW																			
1,600			1,760	1,600					160	1,760	1,600						1,600	1,600	
500			550	500					50	550	500						500	500	
1,382			1,520	1,382					138	1,520	1,382						1,382	1,382	
70			77	70					7	77	70						70	70	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số 102 /TTr-UBND ngày 11 / 7 /2020 của Ủy ban ni

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện														
					Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2016 đã bố trí		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí	
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW												
	TỔNG CỘNG				-	17,817	14,848	17,817	15,134	2,911	2,911	3,150	3,150	3,024	3,024	3,050	3,050	2,999	2,999
I	Chương trình 135					17,817	14,848	17,817	15,134	2,911	2,911	3,150	3,150	3,024	3,024	3,050	3,050	2,999	2,999
1	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư số 7, thôn 1 xã Ia Tơi	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Tơi	2016-	654i/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	1,090	805	1,090	805	805	805	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 4 xã Ia Đal	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Đal	2016-	654k/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	1,250	867	1,250	867	867	867	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 1 xã Ia Dom	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Dom	2016-	654i/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	754	754	754	805	805	805	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 1 xã Ia Dom (Đoạn 2)	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Dom	2017-	1003i/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	625	600	625	644	88	88	556	556	-	-	-	-	-	-
5	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 4, xã Ia Đal (Đoạn 2)	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Đal	2017-	1003d/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	1,259	1,200	1,259	1,298	173	173	1,125	1,125	-	-	-	-	-	-
6	Đường giao thông nội thôn điểm dân cư thôn 1, xã Ia Tơi (Đoạn 2)	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Tơi	2017-	1000e/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	1,259	1,200	1,259	1,293	173	173	1,120	1,120	-	-	-	-	-	-
7	Đường giao thông số 3 thôn 1 xã Ia Tơi	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Tơi	2018-	901/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	815	741	815	741	-	-	66	66	675	675	-	-	-	-
8	Đường giao thông thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã đi nhà máy cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai (D1-1))	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Dom	2018-	896/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	1,345	1,223	1,345	1,223	-	-	110	110	708	708	405	405	-	-
9	Đường GTNT thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã Ia Dom (D1, D2, D3))	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Dom	2018-	886/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	791	719	791	719	-	-	71	71	648	648	-	-	-	-
10	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ3))	UBND huyện Ia H'Drai	Xã Ia Đal	2018-	891/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	823	748	823	748	-	-	51	51	697	697	-	-	-	-

[illegible]

GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
hân dân huyện Ia H'Drai)

Dvt: Triệu đồng

Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 điều chỉnh																Ghi chú
Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2016 đã bố trí		Kế hoạch năm 2017 đã bố trí		Kế hoạch năm 2018 đã bố trí		Kế hoạch năm 2019 đã bố trí		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí			
Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW													NSTW	
-	17,817	14,848	17,817	15,134	2,911	2,911	3,150	3,150	3,024	3,024	3,050	3,050	2,999	2,999		
	17,817	14,848	17,817	15,134	2,911	2,911	3,150	3,150	3,024	3,024	3,050	3,050	2,999	2,999		
654l/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	1,090	805	1,090	805	805	805	-	-	-	-	-	-	-	-		
654k/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	1,250	867	1,250	867	867	867	-	-	-	-	-	-	-	-		
654i/QĐ-UBND huyện ngày 31/08/2016	754	754	754	805	805	805	-	-	-	-	-	-	-	-		
1003i/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	625	600	625	644	88	88	556	556	-	-	-	-	-	-		
1003d/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	1,259	1,200	1,259	1,298	173	173	1,125	1,125	-	-	-	-	-	-		
1000e/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2016	1,259	1,200	1,259	1,293	173	173	1,120	1,120	-	-	-	-	-	-		
901/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	815	741	815	741	-	-	66	66	675	675	-	-	-	-		
896/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	1,345	1,223	1,345	1,223	-	-	110	110	708	708	405	405	-	-		
886/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	791	719	791	719	-	-	71	71	648	648	-	-	-	-		
891/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	823	748	823	748	-	-	51	51	697	697	-	-	-	-		

Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 điều chỉnh															Ghi chú
Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Kê hoạch năm 2016 đã bố trí		Kê hoạch năm 2017 đã bố trí		Kê hoạch năm 2018 đã bố trí		Kê hoạch năm 2019 đã bố trí		Kê hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		
Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó													
881/QĐ-UBND huyện ngày 30/10/2017	880	800	880	800	-	-	51	51	169	169	580	580	-	-	
711c/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2018	3,095	1,643	3,095	1,643	-	-	-	-	127	127	982	982	534	534	Trong đó: 1.300 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện
711b/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2018	1,277	1,189	1,277	1,189	-	-	-	-	-	-	629	629	560	560	
711a/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2018	1,075	1,014	1,075	1,014	-	-	-	-	-	-	454	454	560	560	
499/QĐ-UBND huyện ngày 31/10/2019	1,480	1,345	1,480	1,345	-	-	-	-	-	-	-	-	1,345	1,345	